

Quan niệm về chuẩn trong giáo dục, quy trình xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và vận dụng trong môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở (Chương trình Giáo dục phổ thông 2018)

Nguyễn Thị Việt Hà

Email: hanv@vnies.edu.vn
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
52 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: “Chuẩn” trong giáo dục được coi như thước đo để đánh giá chất lượng giáo dục. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Chương trình đã xác định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực; chương trình các môn học cũng đã xác định yêu cầu cần đạt của từng chủ đề. Tuy nhiên, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chưa xây dựng chuẩn đánh giá để làm căn cứ cho giáo viên trong việc dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh. Bài viết đã trình bày các quan niệm về “Chuẩn”, các loại “Chuẩn” trong chương trình; quy trình xây dựng “Chuẩn đánh giá năng lực” và vận dụng trong việc xây dựng “Chuẩn đánh giá năng lực” môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở.

TỪ KHÓA: Chuẩn, chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá năng lực, giáo dục công dân, Trung học cơ sở.

→ Nhận bài 08/8/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 12/10/2022 → Duyệt đăng 25/12/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12220210>

1. Đặt vấn đề

Trong giáo dục, “Chuẩn” được đặt ra như một thước đo để đánh giá chất lượng giáo dục. Có những cách hiểu khác nhau về “Chuẩn”, có nhiều thuật ngữ thể hiện nội hàm của “Chuẩn” và có nhiều loại “Chuẩn” được sử dụng trong giáo dục. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Chương trình đã xác định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực; chương trình các môn học cũng đã xác định yêu cầu cần đạt của từng chủ đề. Tuy nhiên, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chưa xây dựng chuẩn đánh giá để làm căn cứ cho giáo viên trong việc dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh. Việc xác định nội hàm của “Chuẩn đánh giá” và quy trình xây dựng chuẩn đánh giá năng lực là việc làm cần thiết giúp cho việc dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh thuận lợi hơn. *Bài viết thuộc sản phẩm của đề tài: “Nghiên cứu xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở, môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật cấp Trung học phổ thông trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018”, Mã số: CT.2022.10.VKG.14.*

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan niệm về chuẩn trong giáo dục

2.1.1. Khái niệm chuẩn trong giáo dục

- Trong Bách khoa thư giáo dục quốc tế, chuẩn được

định nghĩa như sau:

“Chuẩn (standards) là mức độ ưu việt cần phải có để đạt được những mục tiêu chuyên biệt; là cái đo xem điều gì là phù hợp; là trình độ thực hiện mong muốn trên thực tế hoặc mang tính xã hội” (International Encyclopedia of Education, New York-London-sydney-Frankfurt-toronto-Paris, 1985, trang 4786).

- Chuẩn giáo dục là những quy tắc, yêu cầu, nguyên tắc được sử dụng rộng rãi và đa chiều trong giáo dục; “Là mức độ tiêu chuẩn của giáo dục cần thiết đối với xã hội trong một khoảng thời gian nhất định”; “Là một hệ thống những tiêu chí cơ bản phản ánh mô hình lí tưởng của xã hội có tính đến khả năng của một cá nhân cụ thể và khả năng của hệ thống giáo dục có thể đạt tới lí tưởng đó” [1].

- Về bản chất, chuẩn giáo dục là một hệ thống các tiêu chí cơ bản dùng để làm căn cứ đo các mức độ đạt được mục tiêu giáo dục của người học hoặc của cơ sở giáo dục.

- Chuẩn luôn gắn với chất lượng giáo dục.

- Chức năng cơ bản của chuẩn giáo dục là dùng để đánh giá, đo lường kết quả giáo dục, đồng thời là cơ sở để xác định nội dung giáo dục, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả giáo dục.

2.1.2. Các loại chuẩn trong chương trình

a. Chuẩn giáo dục phổ thông

Chuẩn giáo dục phổ thông là sự cụ thể hóa mục tiêu

giáo dục phổ thông; là kết quả đầu ra cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh sau khi kết thúc mỗi cấp học. Tùy vào tiêu chí phân loại, có các loại chuẩn khác nhau trong việc phát triển chương trình giáo dục phổ thông. Có nhiều loại chuẩn giáo dục phổ thông như: Chuẩn chương trình, chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông, ... Trong phạm vi bài viết này chỉ đề cập đến các loại chuẩn trong Chương trình Giáo dục phổ thông.

b. Chuẩn đầu ra của chương trình

Chuẩn của chương trình giáo dục được dùng với nhiều thuật ngữ khác nhau như chuẩn đầu ra (Outcome standards), chuẩn thành tích (Achievement standards), chuẩn thực hiện (Performance standards), chuẩn quốc gia (National standards), mục tiêu cần đạt (Achievement objectives)... Các thuật ngữ này dùng dưới các tên gọi khác nhau nhưng có thể tóm lược nội hàm chung là:

- Chuẩn đầu ra của chương trình mô tả những gì *học sinh cần biết, cần hiểu và có thể làm* sau khi hoàn thành chương trình tại một giai đoạn giáo dục nhất định.

- Chuẩn chương trình ở một số quốc gia (như Mỹ, Úc,...) có thể được cấu thành bởi chuẩn nội dung (Content standards) và chuẩn thực hiện (Performance standards). Trong đó, chuẩn nội dung là *phạm vi những kiến thức, kỹ năng và thái độ học sinh cần đạt, coi như là kết quả môn học*. Còn chuẩn thực hiện là *những mô tả cụ thể việc học sinh đạt chuẩn nội dung tốt như thế nào, nghĩa là với mỗi chỉ số hành vi về kiến thức/kỹ năng/thái độ học sinh đạt được mức độ nào trong chỉ số hành vi đó*. Như vậy, chuẩn thực hiện được hiểu là chuẩn đánh giá/chuẩn đầu ra.

Ví dụ, Chương trình môn Công dân và Chính phủ các lớp 9-12 của Mỹ quy định:

- Chuẩn nội dung: Giải thích được những đặc điểm bản chất của chính quyền có quyền lực hữu hạn và chính quyền có quyền lực vô hạn.

- Chuẩn thực hiện tương ứng gồm ba mức là: 1/ Giải thích được đặc điểm bản chất của quyền lực hữu hạn và quyền lực vô hạn dựa trên cơ sở Hiến pháp và luật pháp; lấy được ít nhất một ví dụ về chính quyền có tính chất như vậy trong quá khứ và trong hiện tại; 2/ Đạt được mức 1 và giải thích thêm sự khác biệt giữa hai kiểu chính quyền có quyền lực hữu hạn và có quyền lực vô hạn, chẳng hạn như hệ thống độc tài và chuyên chế; lấy được ít nhất một ví dụ về chính quyền có tính chất như vậy trong quá khứ và trong hiện tại; 3/ Đạt được mức 2 và còn thể hiện được sự hiểu biết sâu hơn về các đặc điểm như vai trò của công dân trong chính quyền có quyền lực hữu hạn và chính quyền có quyền lực vô hạn, hệ tư tưởng trong chế độ độc tài và chuyên chế.

Các yếu tố cấu thành chuẩn nội dung chương trình thường gồm: Lĩnh vực/môn học, các mạch/chủ đề và những hành vi cần đạt ở mạch/chủ đề kiến thức đó.

Chuẩn thực hiện xác định mức độ thành tích mỗi hành vi nêu ở chuẩn nội dung, với các đặc điểm: Chi tiết hóa

nội dung; có thể đo lường được; học sinh có thể đạt được; thực tế; có tính thời điểm (phù hợp với học sinh ở một giai đoạn nhất định). Người ta có thể điều chỉnh chuẩn thực hiện cho phù hợp với sự biến đổi của môi trường hoàn cảnh, trong khi chưa cần phải điều chỉnh chuẩn nội dung.

Với chức năng đánh giá, đo lường kết quả giáo dục đòi hỏi chuẩn thực hiện có nhiều hợp phần:

- Hợp phần 1: Hệ thống các chỉ báo và các mức độ chất lượng của những nội dung cốt lõi trong chương trình môn học.

- Hợp phần 2: Các mẫu công cụ đánh giá những nội dung cốt lõi và các mẫu bài học những nội dung cốt lõi.

2.2. Quy trình xây dựng chuẩn đánh giá năng lực

Quy trình xây dựng chuẩn đánh giá năng lực bao gồm một số bước cơ bản như sau:

* *Bước 1: Định nghĩa năng lực (biến ẩn)*

Ở bước này cần phải trả lời một số câu hỏi sau: Đối tượng phân tích năng lực là ai (cá nhân, nhóm hay cả hai)?; các kỹ năng thành phần phù hợp với lứa tuổi nào?; là năng lực chung hay chuyên biệt?

Trong bước này, cần sử dụng phương pháp chuyên gia (điều tiết trong) - nghĩa là một nhóm chuyên gia cùng làm việc - để đưa ra một khái niệm năng lực phù hợp, để đảm bảo mỗi thành viên cùng có cách hiểu như nhau về năng lực. Sau đó, cũng sử dụng phương pháp chuyên gia (điều tiết ngoài) - nghĩa là lấy ý kiến các chuyên gia ngoài nhóm trên - để đánh giá lại khái niệm đề xuất.

* *Bước 2: Xác định các kỹ năng thành phần (các thành tố của năng lực)*

Phát triển khung cấu trúc của năng lực bao gồm: xem xét các tầng, bậc, yếu tố cấu thành nên năng lực; và các kỹ năng trong từng tầng, bậc đó. Việc xác định các kỹ năng nhỏ nhất, hay tầng thấp nhất, trong mô hình cấu trúc năng lực rất quan trọng bởi đó là nơi có thể xây dựng các cấp độ thành thạo của năng lực - một cơ sở vững chắc cho việc đánh giá sau này. Số lượng các thành tố kỹ năng phụ thuộc vào sự mô tả về năng lực.

Ở bước này, cũng sử dụng phương pháp điều tiết chuyên gia - chuyên gia bàn bạc, thảo luận và thống nhất về khung năng lực chung dựa trên kinh nghiệm quốc tế và trong nước. Việc phân tích kinh nghiệm quốc tế cần phải thể hiện rõ cơ sở khoa học của cách tiếp cận, xác định các thành tố và sự gắn kết giữa các thành tố trong từng cách tiếp cận.

* *Bước 3: Xây dựng chỉ số hành vi*

Theo OECD Core Competencies, các chỉ số hành vi thể hiện mỗi kỹ năng thành phần sẽ diễn ra như thế nào. Mỗi chỉ số hành vi cần phải bảo đảm có thể quan sát và đo lường được, nó như là bằng chứng về những gì học sinh có thể làm, hoặc nói, viết, tạo ra.

Quy trình điều tiết được sử dụng ở giai đoạn này cần có cả sự tham gia của giáo viên để đảm bảo các chỉ số là những hành vi học sinh có thể làm, nói, viết và tạo ra được. Cách viết các chỉ số cần đáp ứng được một số yêu cầu:

- Phải rõ ràng, cô đọng và dễ hiểu.
- Không chứa các thuật ngữ chuyên ngành, từ viết tắt, hoặc bằng ngôn ngữ mà các bên liên quan không hiểu.
- Được viết bằng ngôn ngữ tích cực - mô tả những điều học sinh có thể làm hoặc nói, viết, tạo ra (chứ không phải những thứ học sinh không thể làm, hoặc làm không tốt bằng các học sinh khác thể hiện qua các từ ngữ: không, chưa, còn thiếu...).
- Không chứa thuật ngữ so sánh như rất tệ, tuyệt vời, thường, đạt...

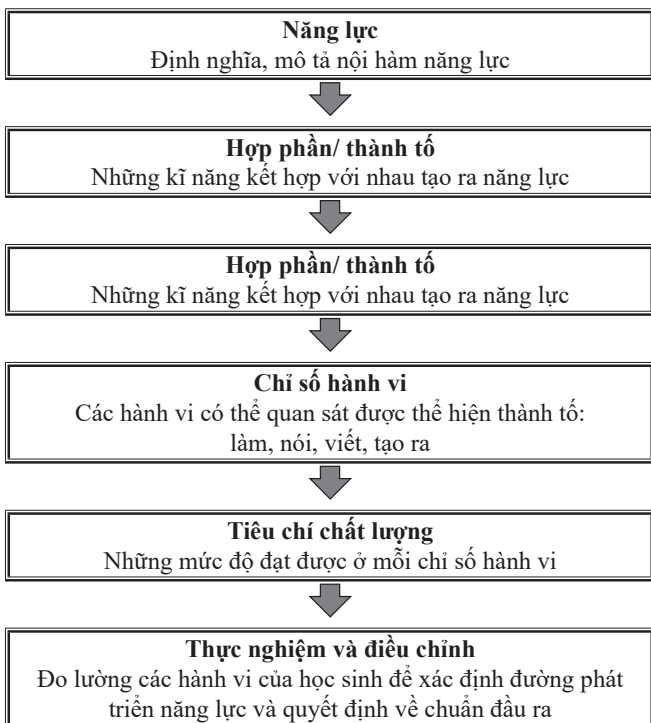
* *Bước 4: Xây dựng tiêu chí chất lượng.*

Ở bước này việc xác định tiêu chí chất lượng (quality criteria) mỗi chỉ số hành vi nhằm phân biệt mức độ chất lượng khác nhau của các hành động, thao tác thực hiện.

Chuyên gia và giáo viên sẽ vận dụng quan điểm của Glaser về các cấp độ năng lực tăng dần để soạn thảo hệ thống tiêu chí cho mỗi chỉ số hành vi.

Các chỉ số hành vi được tiêu chí hóa theo thang phân loại phát triển (developmental taxonomies) nhất định. Hiện nay, thế giới có nhiều loại thang phát triển như: Thang nhận thức của Bloom, thang kỹ năng thực hành của Dave, thang cấu trúc kết quả đầu ra quan sát được SOLO, thang phát triển kỹ năng nghề nghiệp của Dreyfus, mô hình nhận thức của Singer, thang phát

CÁC BƯỚC THIẾT KẾ CHUẨN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC



Sơ đồ 1: Quy trình xây dựng chuẩn đánh giá năng lực

triển thái độ của Krathwohl, thang phân loại năng lực giải quyết vấn đề của ATC21S, Patrick Griffin, Trung tâm Nghiên cứu đánh giá - Trường Đại học Melbourne (Úc)...

Có thể sử dụng các thang có sẵn hoặc tích hợp nhiều thang đo, hoặc xây dựng thang đo mới đều nhằm mô tả một chỉ số.

* *Bước 5: Thực nghiệm đo lường và điều chỉnh đường phát triển năng lực*

Đo lường các hành vi của học sinh để xác định đường phát triển năng lực và điều chỉnh chuẩn đầu ra cho phù hợp. Như vậy, có thể thấy, các bước xây dựng chuẩn đánh giá năng lực cũng chính là quá trình xây dựng chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực. Điều đó hoàn toàn không mâu thuẫn vì chuẩn đánh giá là một thành tố quan trọng, liên quan chặt chẽ với các thành tố khác trong chương trình.

Có thể cụ thể hóa quy trình xây dựng chuẩn đánh giá năng lực như Sơ đồ 1.

2.3. Vận dụng xây dựng chuẩn đánh giá năng lực trong môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở

2.3.1. Căn cứ xây dựng chuẩn đánh giá năng lực trong môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở

a. *Căn cứ vào mục tiêu môn học:* Mục tiêu môn Giáo dục công dân xác định hình thành và phát triển cho học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực của người công dân Việt Nam.

b. *Căn cứ vào năng lực đặc thù trong chương trình môn học*

Môn Giáo dục công dân, ngoài việc góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung trong chương trình tổng thể, còn hình thành và phát triển cho học sinh các năng lực đặc thù sau: Năng lực điều chỉnh hành vi; năng lực phát triển bản thân; năng lực tìm hiểu và tham gia các vấn đề kinh tế - xã hội.

c. *Căn cứ vào yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù trong chương trình môn học.*

Chương trình môn Giáo dục công dân đã xác định các yêu cầu cần đạt của mỗi năng lực đặc thù ở mỗi cấp học, tương ứng với mỗi thành tố của năng lực.

d. *Căn cứ vào các mạch nội dung và yêu cầu cần đạt cụ thể trong chương trình môn học.*

Chương trình môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở được xây dựng với bốn mạch nội dung chính, đó là: giáo dục đạo đức; giáo dục kỹ năng sống; giáo dục pháp luật và giáo dục kinh tế. Từ các mạch nội dung chính này, chương trình xây dựng các chủ đề cụ thể cho từng khối lớp. Chương trình cũng đã xác định các yêu cầu cần đạt cho mỗi chủ đề.

e. *Căn cứ vào thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông*

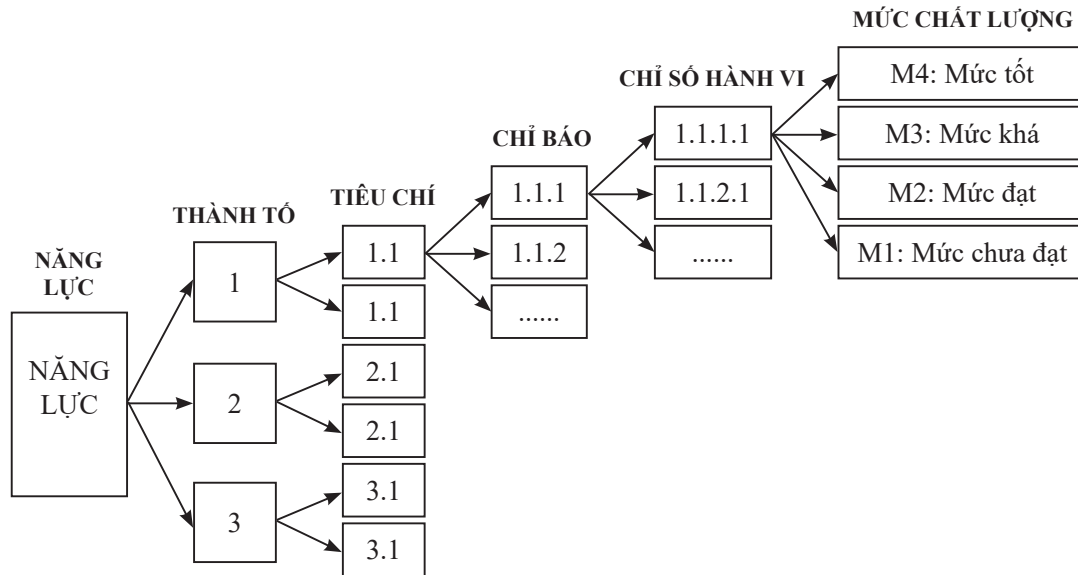
2.3.2. Mô hình chuẩn đánh giá năng lực môn Giáo dục công dân

Nhìn vào mô hình trên và căn cứ vào Chương trình môn Giáo dục công dân cho thấy: Chương trình đã có các năng lực đặc thù và các thành tố của năng lực; có các tiêu chí là yêu cầu cần đạt của mỗi năng lực; có các chỉ báo là các chủ đề trong chương trình; có các chỉ số hành vi là các yêu cầu cần đạt của mỗi chủ đề.

2.3.3. Ví dụ về chuẩn đánh giá năng lực điều chỉnh hành vi trong môn Giáo dục công dân lớp 6

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi xin minh họa

chuẩn đánh giá năng lực điều chỉnh hành vi ở lớp 6 qua một số chủ đề. Yêu cầu cần đạt về năng lực được thể hiện ở cột tiêu chí; tên chủ đề trong chương trình được thể hiện ở cột chỉ báo; các yêu cầu cần đạt của chủ đề được thể hiện ở cột chỉ số hành vi; mức chất lượng là cụ thể hoá các mức độ của yêu cầu cần đạt. Căn cứ để xây dựng các mức chất lượng được áp dụng theo thang nhận thức Bloom, thang kỹ năng thực hành của Dave, thang phát triển kỹ năng nghề nghiệp của Dreyfus, thang phát triển thái độ của Krathwohl...



Hình 1: Mô hình chuẩn đánh giá năng lực môn Giáo dục công dân

Bảng 1: Chuẩn đánh giá năng lực điều chỉnh hành vi ở lớp 6

Năng lực	Thành tố	Tiêu chí	Chỉ báo	Chỉ số hành vi	Mức chất lượng
ĐIỀU CHỈNH HÀNH VI	1. Nhận thức chuẩn mực hành vi	1.1 Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.	1.1.1 Nhận biết về “Yêu thương con người” và giá trị của tình yêu thương con người	1.1.1.1 Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người.	M4: Trình bày được khái niệm và các biểu hiện của tình yêu thương con người. Lấy được các ví dụ minh họa. M3: Trình bày được khái niệm và một số biểu hiện của tình yêu thương con người. Lấy được một ví dụ minh họa. M2: Nêu được khái niệm và một vài biểu hiện của tình yêu thương con người. M1: Chỉ nêu khái niệm hoặc biểu hiện của tình yêu thương con người nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác.
				1.1.1.2 Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.	M4: Phân tích được giá trị của tình yêu thương con người đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội; lấy được các dẫn chứng liên hệ thực tiễn. M3: Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội; lấy được một ví dụ minh họa. M2: Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người. M1: Nêu giá trị của tình yêu thương con người nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác.
			1.1.2 Nhận biết về “Tự lập” và ý nghĩa của tự lập	1.1.2.1 Nêu được khái niệm tự lập.	M4: Trình bày được khái niệm tự lập; lấy được các ví dụ minh họa từ thực tiễn cuộc sống. M3: Nêu được khái niệm tự lập; lấy được một ví dụ minh họa. M2: Nêu được khái niệm tự lập. M1: Nêu khái niệm tự lập nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác.

Năng lực	Thành tố	Tiêu chí	Chỉ báo	Chỉ số hành vi	Mức chất lượng
				1.1.2.2 Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập.	M4: Trình bày được các biểu hiện của người có tính tự lập; lấy được các dẫn chứng minh họa từ thực tiễn cuộc sống. M3: Trình bày được các biểu hiện của người có tính tự lập; lấy được một dẫn chứng minh họa. M2: Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập. M1: Chỉ nêu được một hoặc hai biểu hiện của người có tính tự lập.
				1.1.2.3 Hiểu vì sao phải tự lập.	M4: Phân tích, lí giải được vì sao phải tự lập; lấy được các dẫn chứng liên hệ thực tiễn. M3: Lí giải được vì sao phải tự lập; lấy được một dẫn chứng minh họa. M2: Giải thích được một cách đơn giản vì sao phải tự lập. M1: Nêu lí do vì sao phải tự lập nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác.
	1.2 Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.	1.2.1 Có kiến thức cơ bản để “Tự nhận thức bản thân”	1.2.1.1 Nêu được thể nào là tự nhận thức bản thân.	M4: Trình bày được khái niệm tự nhận thức bản thân. Lấy được các ví dụ minh họa. M3: Trình bày được khái niệm tự nhận thức bản thân. Lấy được một ví dụ minh họa. M2: Nêu được khái niệm tự nhận thức bản thân. M1: Nêu khái niệm tự nhận thức bản thân nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác.	
			1.2.1.2 Nhận biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.	M4: Phân tích được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân trong cuộc sống. Lấy được các dẫn chứng liên hệ thực tiễn. M3: Trình bày được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân trong cuộc sống. Lấy được một ví dụ minh họa. M2: Nêu được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. M1: Nêu ý nghĩa của tự nhận thức bản thân nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác.	
	1.3 Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lí tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.	1.3.1 Nhận biết được sự cần thiết phải “Tiết kiệm”	1.3.1.1 Hiểu vì sao phải tiết kiệm.	M4: Phân tích, lí giải được ý nghĩa của việc tiết kiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội; lấy được các dẫn chứng liên hệ thực tiễn cuộc sống. M3: Lí giải được ý nghĩa của việc tiết kiệm và lấy được một ví dụ minh họa. M2: Giải thích được một cách đơn giản vì sao phải tiết kiệm. M1: Nêu lí do phải tiết kiệm nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác.	
2. Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	2.1 Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.	2.1.1 Đánh giá thái độ, hành vi về “Yêu thương con người”	2.1.1.1 Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của người khác.	M4: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của bản thân và của người khác. Rút ra bài học cho bản thân và đưa ra lời khuyên cho người khác. M3: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của bản thân và của người khác. Rút ra bài học cho bản thân. M2: Nhận xét, đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của người khác. M1: Nêu được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của người khác nhưng chưa đưa ra nhận xét, đánh giá.	
		2.1.2 Đánh giá về khả năng “Tự lập”	2.1.2.1 Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.	M4: Phân tích, đánh giá được những việc làm thể hiện khả năng tự lập của bản thân và người khác. Rút ra bài học cho bản thân và đưa ra lời khuyên cho người khác. M3: Phân tích, đánh giá được những việc làm thể hiện khả năng tự lập của bản thân và người khác. Rút ra bài học cho bản thân. M2: Đánh giá được những việc làm thể hiện khả năng tự lập của bản thân và người khác. M1: Nêu được việc làm thể hiện khả năng tự lập của bản thân và người khác nhưng chưa đưa ra được nhận xét, đánh giá.	

Năng lực	Thành tố	Tiêu chí	Chỉ báo	Chỉ số hành vi	Mức chất lượng
			2.1.3 Đánh giá hành vi về "Tiết kiệm"	2.1.3.1 Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh.	M4: Phân tích, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. Rút ra bài học cho bản thân và đưa ra lời khuyên cho người khác. M3: Phân tích, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. Rút ra bài học cho bản thân. M2: Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. M1: Nêu được việc làm thực hành tiết kiệm của bản thân nhưng chưa đưa ra được nhận xét, đánh giá.
		2.2 Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.	2.2.1 Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về "Yêu thương con người"	2.2.1.1 Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.	M4: Đưa ra lập luận có sức thuyết phục phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người. Rút ra được bài học cho bản thân và đưa ra lời khuyên cho người khác. M3: Đưa ra lí lẽ hợp lí phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người. Rút ra được bài học cho bản thân. M2: Đưa ra ý kiến phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người. M1: Chưa đưa ra được ý kiến phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.
			2.2.2 Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về "Tiết kiệm"	2.2.2.1 Phê phán những biểu hiện lãng phí.	M4: Đưa ra lập luận có sức thuyết phục phê phán những biểu hiện lãng phí. Rút ra bài học cho bản thân và đưa ra lời khuyên cho người khác. M3: Đưa ra lí lẽ hợp lí phê phán những biểu hiện lãng phí. Rút ra bài học cho bản thân. M2: Đưa ra ý kiến phê phán những biểu hiện lãng phí. M1: Chưa đưa ra ý kiến phê phán những biểu hiện lãng phí.
3. Điều chỉnh hành vi	3.1 Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.	3.1.1 Tự thực hiện "Tự lập"	3.1.1.1 Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng.	3.1.1.1 Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng.	M4: Thường xuyên chủ động, tự giác thực hiện nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng. Hướng dẫn, nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện. M3: Thường xuyên tự giác thực hiện nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng. M2: Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng nhưng chưa thường xuyên. M1: Thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng khi có sự hướng dẫn, nhắc nhở của người khác.
	3.2 Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy, không làm những việc xấu; biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng đến các giá trị xã hội.	3.2.1 Tự điều chỉnh hành vi để thể hiện "Yêu thương con người"	3.2.1.1 Tự thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.	3.2.1.1 Tự thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.	M4: Thường xuyên chủ động, tự giác thực hiện những việc làm thể hiện tình yêu thương con người. Hướng dẫn, nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện. M3: Thường xuyên thực hiện những việc làm thể hiện tình yêu thương con người. M2: Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người nhưng chưa thường xuyên. M1: Chỉ thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người khi người khác yêu cầu, nhắc nhở.
	3.3 Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự	3.3.1 Tự nhận thức bản thân"	3.3.1.1 Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm,	3.3.1.1 Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm,	M4: Tự xác định và phân tích, đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân; biết tự hào về bản thân; hướng dẫn người khác cùng thực hiện. M3: Tự xác định và phân tích được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân; biết tôn trọng bản thân.

Năng lực	Thành tố	Tiêu chí	Chỉ báo	Chỉ số hành vi	Mức chất lượng
		bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.		các mối quan hệ của bản thân; biết tôn trọng bản thân.	M2: Tự xác định được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân; biết yêu quý bản thân. M1: Xác định được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân với sự hướng dẫn của người khác; biết yêu quý bản thân.
		3.4 Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước; bước đầu biết quản lí tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.	3.4.1 Thực hiện “Tiết kiệm”	3.4.1.1 Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập.	M4: Thường xuyên tự giác, tích cực thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập ở mọi nơi mọi lúc và hướng dẫn, nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện. M3: Thường xuyên thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập ở mọi nơi mọi lúc. M2: Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập nhưng chưa thường xuyên. M1: Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống và trong học tập khi người khác yêu cầu, nhắc nhở.

3. Kết luận

Việc xác định rõ nội hàm của “Chuẩn”, các loại “Chuẩn” trong giáo dục và quy trình xây dựng chuẩn đánh giá năng lực giúp cho các chuyên gia giáo dục có cái nhìn đầy đủ về “Chuẩn” và cách thức xây dựng chuẩn đánh giá trong các môn học. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo định hướng

phát triển phẩm chất và năng lực, vì vậy, việc đánh giá kết quả học tập của học sinh cũng cần phải theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. Do đó, việc xây dựng chuẩn đánh giá năng lực trong các môn học nói chung, môn Giáo dục công dân nói riêng là việc làm cần thiết, giúp cho các nhà quản lí giáo dục, giáo viên có căn cứ để đánh giá năng lực của học sinh.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Tiến Đạt, (2013), *Báo cáo tổng kết nhiệm vụ cấp Bộ về Chuẩn giáo dục phổ thông*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [2] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, (26/12/2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân*, Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.
- [3] *Tài liệu tập huấn Khung đánh giá năng lực người học*, (2014).
- [4] *Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông*.
- [5] *Chương trình môn Công dân và Chính phủ các lớp 9-12 của Mỹ*.
- [6] *International Encyclopedia of Education*, (1985), New York-London-Sydney-Frankfurt-Toronto-Paris.

THE CONCEPT OF STANDARDS IN EDUCATION, PROCEDURES FOR BUILDING CAPABILITY ASSESSMENT STANDARDS AND ITS APPLICATION IN CIVICS EDUCATION AT SECONDARY LEVEL (UNDER THE 2018 GENERAL EDUCATION PROGRAM)

Nguyen Thi Viet Ha

Email: hanv@vnies.edu.vn
The Vietnam National Institute of Educational Sciences
52 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: “Standard” in education is considered as a measure to evaluate the quality of education. The 2018 General Education Program is built in the direction of developing learners’ quality and capacity. The curriculum has identified the requirements to be met in terms of quality and capacity; the subject curriculum has also determined the requirements to be met by each topic. However, the 2018 General Education Program has not yet developed an assessment standard to serve as a basis for teachers to teach and evaluate students’ learning outcomes. The article presented the concept of “Standard” and its types in the program; the process of developing “the Standards for assessing capacity” and applying it in the development of “Standards for assessing capacity” in Civics education at the lower secondary level.

KEYWORDS: Standards, outcome standards, standards for assessing capacity, Civics education, lower secondary level.